

Bản án số: 40/2025/DS-ST

Ngày 23- 9- 2025

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Minh Giang.

2. Bà Trần Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã T, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Bà Phan Thị C, sinh năm 1992 .

Địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phùng Thị Kim T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ, bà T yêu cầu xét xử vắng mặt, bà C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2024, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Đ trình bày:**

Vợ chồng ông Đ – bà T và bà C có mối quan hệ quen biết trong công việc làm ăn, nên bà C đã nhiều lần mượn tiền của vợ chồng ông. Đến tháng 5/2023, ông Đ và bà C tổng kết lại số tiền mượn thì bà C có thừa nhận và viết giấy mượn tiền của ông Đ với tổng số tiền là 1.600.000.000đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Số tiền này ông Đ cho bà C vay để làm ăn, buôn bán nên không có tính lãi. Bà C hứa sẽ thanh toán trong thời hạn từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/5/2024, nhưng bà C không thanh toán theo đúng thời hạn.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C phải thanh toán cho vợ chồng ông số tiền gốc là 1.600.000.000đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Do ông bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*- Đối với bị đơn bà Phan Thị C: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà C không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến và văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*- Theo bản khai ngày 15/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Kim T trình bày:* Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đ: bà C phải trả lại chồng vợ chồng ông Đ-bà T số tiền gốc là 1.600.000.000đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Do bà bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật, thời hạn xét xử, thu thập thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phan Thị C cư trú tại tổ E, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay theo Giấy mượn tiền ngày 01/5/2023 nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Ông Trần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc đã vay cho vợ chồng ông Đ-bà T, vì vậy xác định ông Trần Đ là nguyên đơn; bà Phan Thị C là bị đơn; bà Phùng Thị Kim T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị C đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

Ông Đ xác định có cho bà C vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 1.600.000.000đồng, được bị đơn bà C xác nhận tại Giấy mượn tiền ngày 01/5/2023, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay từ 01/5/2023 đến ngày 01/4/2024. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Đ cung cấp bản chính giấy mượn tiền đề ngày 01/5/2023.

Bị đơn bà Phan Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn về việc chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Xét thấy, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền cho vay và thời gian vay; được bị đơn thừa nhận tại Giấy mượn tiền ngày 01/5/2023. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của mình theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đến Tòa án đã làm việc, không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh, nên có đủ căn cứ khẳng định bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, của nguyên đơn đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Trần Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Kim T đều thống nhất số tiền cho bà C vay là tài sản chung của vợ chồng ông Đ- bà T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đ về việc yêu cầu bị đơn bà Phan Thị C trả lại số tiền vay gốc 1.600.000.000đồng cho ông Đ- bà T là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn không thuộc các trường hợp miễn, giảm tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nên đồng bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.000.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là 40.000.000 đồng.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 351, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phan Thị C thanh toán cho ông Trần Đ- bà Phùng Thị Kim T số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Về án phí:** Buộc bà Phan Thị C nộp 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) án phí DSST.

Hoàn trả cho ông Trần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0011649 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Nai).

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 7 – Đồng Nai;
- Phòng THADS KV7- Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Thái**